

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ công trình
thủy lợi cụ thể trên địa bàn tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 114/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Công văn số 8161/BNN-TCTL ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức triển khai thi hành hệ thống luật pháp về Thủy lợi;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 142/TTr-SNN ngày 12 tháng 8 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ công trình thủy lợi cụ thể trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Giám đốc Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Tổng cục Thủy lợi;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (NN);
- Lưu: VT, NN5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

NGUYỄN HỮU THÁP



Nguyễn Hữu Tháp

**KẾ HOẠCH
XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ CÔNG TRÌNH
THỦY LỢI CỤ THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Để triển khai kịp thời, đồng bộ, thống nhất, có hiệu quả Luật Thủy lợi và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Thủy lợi, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ công trình thủy lợi cụ thể trên địa bàn tỉnh Kon Tum với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

1. Mục đích:

a) Xác định cụ thể các nội dung công việc cần thực hiện của Phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Dự kiến kinh phí, phân kỳ thực hiện lập Phương án bảo vệ công trình thủy lợi cụ thể.

2. Yêu cầu:

a) Bám sát các nội dung theo quy định tại Chương IV Luật Thủy lợi; điều 23, điều 24 Nghị định số 114/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về Quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; Chương IV Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

b) Xác định nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm của các đơn vị có liên quan, đảm bảo sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ.

c) Thường xuyên, kịp thời kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn tháo gỡ, giải quyết những vướng mắc, khó khăn phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

II. NỘI DUNG

1. Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

Theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện nay trên địa bàn tỉnh Kon Tum, các công trình thủy lợi đang khai thác thuộc trường hợp phải cấm mốc chỉ giới do Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum đang thực hiện khai thác. Nhiệm vụ thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi cụ thể như sau:

- Đơn vị lập hồ sơ phương án cấm mốc và thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum.

- Đơn vị tiếp nhận, thẩm định hồ sơ phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình thực hiện cấm mốc có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý Khai các công trình thủy lợi tổ chức cấm mốc trên thực địa và quản lý, bảo vệ theo quy định.

2. Phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi

a) Đơn vị lập phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi: Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum.

b) Đơn vị tiếp nhận, thẩm định hồ sơ phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh Kon Tum tổ chức thực hiện phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi.

3. Nội dung chính phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi

a) Đặc điểm địa hình, thông số thiết kế, sơ đồ mặt bằng bố trí công trình và chỉ giới cấm mốc phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa nước:

b) Tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước: Phương án phải đánh giá đầy đủ tình hình quản lý, khai thác và bảo vệ đập, hồ chứa nước trong những năm trước đây.

c) Chế độ báo cáo, kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất:

- Phương án phải thể hiện chế độ báo cáo thường xuyên, đột xuất và định kỳ hàng năm phù hợp theo các quy định về nội dung và đơn vị nhận báo cáo.

- Phương án phải thể hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất đảm bảo theo các quy định về thời gian và nội dung kiểm tra.

d) Quy định việc giới hạn hoặc cấm các loại phương tiện giao thông có tải trọng lớn lưu thông trong phạm vi bảo vệ công trình; quy định về phòng cháy chữa cháy; bảo vệ an toàn nơi lưu trữ tài liệu, kho tàng cất giữ vật liệu nổ, chất dễ cháy, chất độc hại.

e) Tổ chức lực lượng và phân công trách nhiệm bảo vệ đập, hồ chứa nước; trang thiết bị hỗ trợ công tác bảo vệ.

f) Tổ chức kiểm tra, kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình: Phương án cần thể hiện đầy đủ yêu cầu cần đạt được của hoạt động kiểm soát, kiểm tra, quy trình kiểm soát người và phương tiện ra, vào công trình.

g) Phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của đập, hồ chứa nước: Phương án cần thể hiện đầy đủ các nội dung về địa phận bảo vệ, lực lượng bảo vệ để phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn các hành vi xâm phạm, phá hoại công trình và vùng phụ cận của đập, hồ chứa nước.

h) Bảo vệ, xử lý khi đập, hồ chứa nước xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố gồm: Phương án tổ chức, chỉ huy, Phương án kỹ thuật, Phương án huy động vật tư, vật liệu, phương tiện, trang thiết bị, Phương án huy động nhân lực, Công tác hậu cần, Phương án thông tin liên lạc và Phương án sơ tán dân cư để bảo vệ, xử lý khi đập, hồ chứa nước xảy ra sự cố hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố cần được thể hiện đầy đủ và phù hợp với quy định hiện hành.

i) Nguồn lực tổ chức thực hiện phương án.

k) Trách nhiệm của chủ sở hữu, chủ quản lý, tổ chức, cá nhân khai thác đập, hồ chứa nước, chính quyền các cấp và các cơ quan, đơn vị liên quan

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện phương án này được bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển theo khả năng ngân sách tỉnh hàng năm, các nguồn vốn hợp pháp khác theo phân cấp và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Kinh phí dự kiến thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (dự kiến thực hiện từ năm 2020-2027) là 9.000 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức thực hiện thẩm định Phương án cấm mốc, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi, chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan kiểm tra, giải quyết các vi phạm đến quy định đảm bảo an toàn công trình thủy lợi theo thẩm quyền và quy định hiện hành.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí vốn theo khả năng ngân sách tỉnh hàng năm để thực hiện Quyết định này.

3. Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi

- Tổ chức lập phương án cấm mốc, phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi

và thực hiện theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc thực hiện bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, thực hiện cấm và bảo vệ mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi trong việc thực hiện phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy lợi. Phối hợp thực hiện cấm và bảo vệ mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị gửi văn bản về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CỤ THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Tên Đập, hồ chứa	Địa điểm	FV (km2)	Wtrư (10 ⁶ m ³)		Đập chính		Dự kiến kinh phí cầm mốc chủ giới phạm vi bảo vệ công trình									Ghi chú	
				W hữu ích	W toàn bộ	Hmax (m)	L (m)	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027		
I	Đập, hồ chứa lớn (Hồ chứa nước: $H_a \geq 15m$, $W_{ng} \geq 3$ triệu m³ hoặc $10m \leq H_a \leq 15m$ và $L_{đập} \geq 500m$ hoặc tràn có lưu lượng $\geq 2000m^3/s$)																	
1	Hồ chứa Đăk Uy	Xã Đăk Ngọc	89,7	25.840	29.660	36,0	681,0				1000,0							Đã Lập PABV, chưa cầm mốc
2	Hồ chứa Đăk Ron Ga	Xã Tân Cảnh	49,5	4.071	6.651	26,0	247,0											Đã cầm mốc, chưa Lập PABV
3	Hồ chứa Đăk Yên	Xã Hòa Bình	20,2	5.950	6.450	22,7	1285,0											Đã thực hiện
4	Hồ chứa Đăk Loh	Xã Ngọc Wang	23,0	2.700	4.200	20,0	242,0											
5	Hồ chứa Đăk Rơ Wa	Xã Đăk Rơ Wa	3,0	0.619	0.744	16,8	210,4											
6	Hồ chứa Đăk Trit	Xã Đăk La	15,0	1.116	1.480	24,4	139,0				250,0							Đang SCNC
7	Hồ chứa Đăk Hnia	Xã Đăk Tơ Kan	6,1	0.952	1.142	16,8	190,7				300,0							
8	Hồ chứa Tân Điền	Xã Đoàn Kết	5,0	0.782	0.870	10,6	565,0											
9	Hồ chứa Đăk Kan	Xã Sa Loong	52,0	1.560	3.201	12,0	524,0											
10	Hồ chứa C1	Xã Hà Môn	1,2	2.190	2.240	22,0	191,0											
11	Hồ chứa Đăk Prông	Xã Đăk Ui	6,7	2.035	2.220	23,4	233,3											
12	Hồ chứa Đăk Chà Môn I	Xã Đăk Blá	7,0	1.372	1.572	18,0	273,4				300,0							
13	Hồ chứa Đăk Prông	Xã Sa Bình	4,2	1.051	1.235	21,0	380,0											
14	Hồ chứa Đăk Nui 3	Xã Hơ Moong	1,6	0.596	0.635	18,0	275,0											
15	Hồ chứa Đội 5	Xã Hơ Moong	2,92	0.580	0.724	17,0	150,0											WB8
16	Hồ chứa Ya Xăng	Xã Mô Rai	4,42	0.479	0.582	18,0	99,3											WB8
17	Hồ chứa Đăk Trang	Xã Đăk Rơ Ông	6,7	1.019	1.210	29,5	191,0											
18	Hồ chứa Đăk Hơ Na	Xã Đăk Nông	4,1	1.940	2.050	17,1	378,5											
19	Hồ chứa Kon Chênh	Xã Măng Cảnh	4,0	0.190	0.286	15,0	78,0											
20	Đập Đăk Toa	Xã Đăk Ruồng	352,0			17,4	85,5											Đã thực hiện
II	Đập, hồ chứa vừa (Hồ chứa nước: $10m \leq H_a < 15m$ và $L_{đập} < 500m$ hoặc $0,5$ triệu m³ $\leq W_{ng} < 3$ triệu m³)																	
1	Hồ chứa Đăk Sa Men	Xã Kroong	5,2	1.110	1.355	10,8	319,7				300							
2	Hồ chứa Ia Bang Thượng	Xã Hòa Bình	8,2	1.850	1.879	14,0	406,5											
3	Hồ chứa C19	Xã Diên Bình	3,0	0.240	0.313	10,9	166,5											
4	Hồ chứa Đăk Hơ Niêng	Xã Bờ Y	27,31	0.440	0.800	13,1	228,0											
5	Hồ chứa Đăk Sơ Rệt	Xã Đăk Ruồng	2,4	0.235	0.273	14,5	179,4											
6	Hồ chứa Đăk Loy	Xã Đăk Cầm	32,0	1.054	1.300	10,0	285,4											
7	Hồ chứa 6A	Xã Đăk Mar	7,5	1.739	1.934	12,0	324,0											

STT	Tên Đập, hồ chứa	Địa điểm	FV (km2)	Wtrữ (10 ⁶ m ³)		Đập chính		Dự kiến kinh phí cảm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình									Ghi chú	
				W hữu ích	W toàn bộ	Hmax (m)	L (m)	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027		
8	Hồ chứa 6B	Xã Đăk Mar	2,5	0,032	0,091	10,0	118,5								200			
9	Hồ chứa C3	Xã Hà Môn	1,96	0,360	0,370	10,0	175,0										WB8	
10	Hồ chứa Cà Sám	Xã Đăk La	4,32	1,480	1,730	13,6	324,0										WB8	
11	Hồ chứa Đăk Xít 1	Xã Đăk La	1,7	0,435	0,544	13,3	199,3					300						
12	Hồ chứa Đăk Xít 2	Xã Đăk La	0,7	0,177	0,226	10,4	158,2						250,0					
13	Hồ chứa Đăk Xít 3	Xã Đăk La	1,1	0,250	0,320	12,4	157,8									200		
14	Hồ chứa Thôn 9	Xã Đăk Hring	1,66	0,497	0,612	13,6	260,0										WB8	
15	Hồ chứa Đăk Klông	Xã Đăk Long	4,8	0,419	0,507	14,6	95,0									250		
16	Hồ chứa Đội 6	Xã Hơ Moong	2,0	0,320	0,400	14,0	120,0									200		
17	Hồ chứa Đăk Sia 1	Xã Rờ Koi	14,0	0,546	1,102	13,6	162,0						300,00					
18	Hồ chứa Đăk Ngót	Xã Sa Nghĩa	5,0	0,240	0,250	10,0	200,0										WB8	
19	Hồ chứa Hồ Chè	Xã Diên Bình	2,4	0,550	0,589	14,7	202,3							250				
20	Hồ chứa Kon Tu Zốp	Xã Pô Kô	6,22	0,350	0,500	13,0	197,0										WB8	
21	Hồ chứa Tea Hao	Xã Đăk Trâm	2,0	0,145	0,246	12,0	112,9							200				
22	Hồ chứa Đăk Rơ Ngát	Xã Đăk Rơ Nga	5,0	0,096	0,12	10,0	48,0										200	
23	Hồ chứa Błóc 1	Xã Đăk Long	4,6	1,620	2,410	14,5	450,0										250	
24	Hồ chứa Błóc 2	Xã Đăk Long	2,1	2,040	2,490	14,5	150,0										250	
25	Hồ chứa Đăk Giao 2	Xã Đăk Long	1,8	0,122	0,141	14,8	174,0									200		
26	Hồ chứa Đăk Tin	Xã Đăk Choong	5,01	0,169	0,210	12,0	196,0										WB8	
27	Hồ chứa Nước Rơ	Xã Tân Lập	4,7	0,330	0,396	10,1	349,0									250		
28	Hồ chứa Kon Bơ Deh	Xã Đăk Ruông	4,8	0,211	0,271	12,2	200,0							200				
29	Đập Đăk Gu	Xã Đăk Tơ Re	8,50			12,6	90,0										250	
Tổng cộng																		
									1150,0	1250,0	1150,0	1150,0	1150,0	1100,0	1100,0	950,0		

Ghi chú:

ĐTH: là các công trình đang thực hiện trong năm 2019.

THX: là các công trình đã thực hiện trước năm 2019.

Các công trình thuộc dự án WB8: Thực hiện cùng với việc thực hiện dự án.



PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CỤ THỂ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM
(Kèm theo Quyết định số 903 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Tên Đập, hồ chứa	Địa điểm	Fv (km2)	Wtrư (10 ⁶ m ³)		Đập chính		Dự kiến kinh phí cảm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình									Ghi chú	
				W hữu ích	W toán bộ	Hmax (m)	L (m)	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027		
I Đập, hồ chứa lớn (Hồ chứa nước: $H_2 \geq 15m$, $W_{tổng} \geq 3$ triệu m³ hoặc $10m \leq H_2 \leq 15m$ và $L_{đập} \geq 500m$ hoặc tràn có lưu lượng xả $\geq 2000m^3/s$)																		
1	Hồ chứa Đăk Uy	Xã Đăk Ngọc	89,7	25.840	29.660	36,0	681,0				1000,0							Đã Lập PABV, chưa cảm mốc
2	Hồ chứa Đăk Rơn Ga	Xã Tân Cảnh	49,5	4.071	6.651	26,0	247,0											Đã cảm mốc, chưa Lập PABV
3	Hồ chứa Đăk Yên	Xã Hòa Bình	20,2	5.950	6.450	22,7	1285,0											Đã thực hiện
4	Hồ chứa Đăk Loh	Xã Ngọc Wang	23,0	2.700	4.200	20,0	242,0	ĐTH										
5	Hồ chứa Đăk Rơ Wa	Xã Đăk Rơ Wa	3,0	0.619	0.744	16,8	210,4	ĐTH										
6	Hồ chứa Đăk Trít	Xã Đăk La	15,0	1.116	1.480	24,4	139,0			250,0								Đang SCNC
7	Hồ chứa Đăk Hnia	Xã Đăk Tô Kan	6,1	0.952	1.142	16,8	190,7			300,0								
8	Hồ chứa Tân Điền	Xã Đoàn Kết	5,0	0.782	0.870	10,6	565,0				250,0							
9	Hồ chứa Đăk Kan	Xã Sa Loong	52,0	1.560	3.201	12,0	524,0	ĐTH										
10	Hồ chứa C1	Xã Hà Môn	1,2	2.190	2.240	22,0	191,0				250,0							
11	Hồ chứa Đăk Prông	Xã Đăk Uí	6,7	2.035	2.220	23,4	233,3				300,0							
12	Hồ chứa Đăk Chá Môn I	Xã Đăk Blá	7,0	1.372	1.572	18,0	273,4			300,0								
13	Hồ chứa Đăk Prông	Xã Sa Bình	4,2	1.051	1.235	21,0	380,0	ĐTH										
14	Hồ chứa Đăk Nui 3	Xã Hơ Moong	1,6	0.596	0.635	18,0	275,0					250,0						
15	Hồ chứa Đới 5	Xã Hơ Moong	2,92	0.580	0.724	17,0	150,0											WB8
16	Hồ chứa Ya Xăng	Xã Mỏ Rai	4,42	0.479	0.582	18,0	99,3											WB8
17	Hồ chứa Đăk Trang	Xã Đăk Rơ Ông	6,7	1.019	1.210	29,5	191,0					300,0						
18	Hồ chứa Đăk Hơ Na	Xã Đăk Nông	4,1	1.940	2.050	17,1	378,5					300,0						
19	Hồ chứa Kơ Chênh	Xã Măng Cảnh	4,0	0.190	0.286	15,0	78,0					300,0						
20	Đập Đăk Toa	Xã Đăk Ruông	352,0			17,4	85,5											Đã thực hiện
II Đập, hồ chứa vừa (Hồ chứa nước: $10m \leq H_2 \leq 15m$ và $L_{đập} < 500m$ hoặc $0,5$ triệu m³ $\leq W_{tổng} < 3$ triệu m³)																		
1	Hồ chứa Đăk Sa Men	Xã Kroong	5,2	1.110	1.355	10,8	319,7			300								
2	Hồ chứa Ia Bang Thượng	Xã Hòa Bình	8,2	1.850	1.879	14,0	406,5											THX
3	Hồ chứa C19	Xã Diên Bình	3,0	0.240	0.313	10,9	166,5							250				
4	Hồ chứa Đăk Hơ Niêng	Xã Bờ Y	27,31	0.440	0.800	13,1	228,0											THX
5	Hồ chứa Đăk Sờ Rết	Xã Đăk Ruông	2,4	0.235	0.273	14,5	179,4							300,0				
6	Hồ chứa Đăk Loy	Xã Đăk Cẩm	32,0	1.054	1.300	10,0	285,4					300						
7	Hồ chứa 6A	Xã Đăk Mar	7,5	1.739	1.934	12,0	324,0							300,0				

STT	Tên Đập, hồ chứa	Địa điểm	Flv (km2)	Wtrữ (10 ⁶ m ³)		Đập chính		Dự kiến kinh phí cảm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình								Ghi chú	
				W hữu ích	W toàn bộ	Hmax (m)	L (m)	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026		Năm 2027
8	Hồ chứa 6B	Xã Đăk Mar	2,5	0,032	0,091	10,0	118,5								200		
9	Hồ chứa C3	Xã Hà Môn	1,96	0,360	0,370	10,0	175,0										WB8
10	Hồ chứa Cà Sám	Xã Đăk La	4,32	1,480	1,730	13,6	324,0										WB8
11	Hồ chứa Đăk Xít 1	Xã Đăk La	1,7	0,435	0,544	13,3	199,3					300					
12	Hồ chứa Đăk Xít 2	Xã Đăk La	0,7	0,177	0,226	10,4	158,2							250,0			
13	Hồ chứa Đăk Xít 3	Xã Đăk La	1,1	0,250	0,320	12,4	157,8									200	
14	Hồ chứa Thôn 9	Xã Đăk Hring	1,66	0,497	0,612	13,6	260,0										WB8
15	Hồ chứa Đăk Klong	Xã Đăk Long	4,8	0,419	0,507	14,6	95,0									250	
16	Hồ chứa Đới 6	Xã Hơ Moong	2,0	0,320	0,400	14,0	120,0									200	
17	Hồ chứa Đăk Sĩa I	Xã Rờ Koi	14,0	0,546	1,102	13,6	162,0						300,00				
18	Hồ chứa Đăk Ngót	Xã Sa Nghĩa	5,0	0,240	0,250	10,0	200,0										WB8
19	Hồ chứa Hồ Chè	Xã Diên Bình	2,4	0,550	0,589	14,7	202,3							250			
20	Hồ chứa Kon Tu Zốp	Xã Pô Kô	6,22	0,350	0,500	13,0	197,0										WB8
21	Hồ chứa Tea Hao	Xã Đăk Trăm	2,0	0,145	0,246	12,0	112,9							200			
22	Hồ chứa Đăk Rơ Ngát	Xã Đăk Rơ Nga	5,0	0,096	0,12	10,0	48,0										200
23	Hồ chứa Bốc 1	Xã Đăk Long	4,6	1,620	2,410	14,5	450,0										250
24	Hồ chứa Bốc 2	Xã Đăk Long	2,1	2,040	2,490	14,5	150,0										250
25	Hồ chứa Đăk Giao 2	Xã Đăk Long	1,8	0,122	0,141	14,8	174,0								200		
26	Hồ chứa Đăk Tím	Xã Đăk Choong	5,01	0,169	0,210	12,0	196,0										WB8
27	Hồ chứa Nước Rơ	Xã Tân Lập	4,7	0,330	0,396	10,1	349,0									250	
28	Hồ chứa Kon Bo Deh	Xã Đăk Ruông	4,8	0,211	0,271	12,2	200,0							200			
29	Đập Đăk Gu	Xã Đăk Tơ Re	8,50			12,6	90,0										250
Tổng cộng									1150,0	1250,0	1150,0	1150,0	1150,0	1100,0	1100,0	950,0	

Ghi chú:

ĐTH: là các công trình đang thực hiện trong năm 2019.

THX: là các công trình đã thực hiện trước năm 2019.

Các công trình thuộc dự án WB8: Thực hiện cùng với việc thực hiện dự án.